TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-PT
Ngày 29 -11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên

Ông Võ Công Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 246/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2018/QĐ-PT ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Thanh H; cư trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phan Thanh D; cư trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phan Văn H; cư trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Quỹ tín dụng nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định: Bà Đặng Thị N; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức T; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N; cùng trú tại: Số đường H, tổ, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người kháng cáo: Anh Phan Thanh Dlà bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2017, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh Htrình bày:

Chị Hvà Anh D tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 1992, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại UBND , thị xã A, tỉnh Bình Định . Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm hơn nữa Anh Dlái xe tải đi cả tháng mới về, mỗi khi về nhà anh thường gây chuyện, chửi mắn, đánh chị. Tự tháng 10/2016 vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: Cháu Phan Thị Kim C, sinh ngày 30/8/19933; Phan Khánh H, sinh ngày 18/9/1998; Phan Phú C, sinh ngày 23/3/2002 sức khỏe bình thường, hiện con đang sốngvới chị Hòa. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên cháu Phan Phú C, sinh ngày 23/3/2002; yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 590 m² tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; 02 thửa ruộng và 08 sào rẫy cà phê tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.; 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 77 – 04031 (Anh D đang quản lý). Nợ chung Quỹ tín dụng nhân dân xã N30.000.000 đồng. Chị yêu cầu phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Anh Phan Thanh D trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dvà chị H tự nguyện tổ chức lễ cưới ngày 19/8/1992 (âm lịch) do thời điểm này chị H chưa đủ tuổi kết hôn nên đên ngày 09/7/2002 vợ chồng đăng ký kết tại UBND xã Nhơn T, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng sống được một thời gian thì xảy ra bất đồng với gia đình nên vào Lâm Đồng lập nghiệp được 04 năm thì về lại quê sinh sống. Tháng 10/2013, anh phát hiện vợ không chung thủy, anh gọi các con về cùng giàn xếp, thương con anh bỏ qua. Tháng 10/2016, anh phát hiện vợ có quan hệ ngoại tình từ đó tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như lời trình bày của chị Hòa. Ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên cháu Phan Phú C, sinh ngày 23/3/2002, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 77 – 0403 anh đang quản lý.

Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Nhơn Lộc 30.000.000 đồng, nợ ông PhanVăn Hà 6.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k, nợ Ông Nguyễn Đức T 400.000.000 đồng. Anh yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản và chịu trách nhiệm trả nợ. Đối với ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 590 m², tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là của ông nội để lại cho cha anh, vợ chồng không có chỗ ở nên cha cho ở nhờ đây không phải là tài sản của vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phan Văn H trình bày:

Năm 1993, con trai ông là Phan ThAnh Dcạy tủ lấy 6.000.000 đồng cùng vợ lên Bảo Lộc, Lâm đồng lập nghiệp. Năm 2015, vợ chồng Dũng mượn của ông 02 lần mỗi lần 02 chỉ vàng 24k. Sau này ông có mượn của Hòa một số tiền nên hai bên thống nhất trừ 02 chỉ vàng 24k. Ông yêu cầu vợ chồng Dũng trả 6.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k.

Nguồn gốc nhà đất hiện nay vợ chồng anh D, chị Hđang sử dụng là của cha mẹ ông xây dựng năm 1963 giao lại cho ông quản lý. Do vợ chồng anh D, chị Hkhông có chỗ ở nên ở tạm ngôi nhà này từ năm 1996 cho đến nay. Bản thân ông và gia đình chưa hề thỏa thuận tặng cho vợ chồng anh D, chị Hmà chỉ cho ở tạm. Trong quá trình vợ chồng anh D, chị Hở không có sửa sang hay xây dựng mới gì ngôi nhà, vợ chồng anh D, chị Hchỉ có xây thêm 01 chuồng heo. Ông yêu cầu vợ chồng anh D, chị Htrả lại nhà đất cho gia đình ông.

Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đặng Thị N trình bày:

Năm 2016, vợ chồng anh D, chị Hvay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã N 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/7/2017, vợ chÔng Phan Thanh D còn nợ tiền gốc vay 30.000.000 đồng, lãi suất tiền vay 1.170.000 đồng. Ngày 10/8/2017, Anh Dtrả xong nợ gốc, lãi vay. Quỹ tín dụng nhân dân N có đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức Tấn trình bày:

Anh Tấn là anh rễ của anh D. Ngày 20/02/2017 Anh D có mượn vợ chồng anh 400.000.000 đồng để trả tiền nợ sửa xe, lo phí ăn học cho con. Anh là người viết giấy nợ để Anh D ký, trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T. Việc Anh D

mượn tiền chị H không biết. Thời điểm Anh D mượn tiền anh không biết vợ chồng anh D, chị H còn sống chung hay không. Anh Tấn yêu cầu Anh D có nghĩa vụ trả nợ số tiền này.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 246/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã A quyết định:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh D, chị H.

Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, sinh ngày 23/3/2002. Buộc Anh Dcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 10/2017. Nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung:

Xác định ngôi nhà cấp 4 loại N_8, diện tích 61,12m^2 và công trình phụ (nhà bếp, chuồng bò) trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 512,12 m² xây dựng năm 1963 tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là di sản của cụ N và cụ Ấ giao lại cho Ông H quản lý.

Cháu N được quyền sử dụng diện tích đất trồng cây lâu năm (lô số 03)

Bác yêu cầu của chị Htranh chấp nhà, đất nói trên vì không có căn cứ chứng minh đây là tài sản chung của vợ chồng anh D, chị Hòa.

Buộc Ông H phải thanh toán cho chị H ½ giá trị xây dựng chuồng heo 5.356.000 đồng. Ông H được sở hữu chuồng heo do vợ chồng anh D, chị H xây dựng trên thửa đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của Anh Dkhông yêu cầu Ông H thanh toán ½ giá trị xây dựng chuồng heo 5.356.000 đồng.

Chị Hđược sử dụng 576,5m^2 đất ruộng thuộc thửa đất 897, tờ bản đồ số 02, tại xã Nhơn T, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Anh Dđược quyền sử dụng 287,5m^2 đất ruộng thuộc thửa đất 897 và 184m^2 đất ruộng, thuộc thửa 1366, tờ bản đồ số 02, tại xã Nhơn T, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Giao cho Anh Dđược sở hữu chiếc xe ô tô tải hiệu CNHTC, số máy WD 61547120917016587, số khung LZZ 5BXSFOCN 688941, biển kiểm soát 77 – 04031.

Buộc Anh D có nghĩa vụ thanh toán cho cho chị H½ giá trị chiếc xe ô tô 300.000.000 đồng.

Buộc Anh D thanh toán cho anh T, chị N400.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của Ông H tranh chấp với chị H02 chỉ vàng 24k và 6.000.000 đồng.

Buộc Anh Dthanh Toán cho Ông H 02 chỉ vàng 24k và 6.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp của Quỹ tín dụng nhân dân N với anh D, chị H về hợp đồng tín dụng.

Buộc chị Hcó nghĩa vụ hoàn trả cho Anh D15.666.000 đồng là khoản tiền Anh Dđã thực hiện thay nghĩa vụ trở nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân N.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H rút yêu cầu tranh chấp với Anh D 08 sào đất tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 13/10/2017 Anh D kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu C không yêu cầu chị Hcấp dưỡng nuôi con. Xem xét yếu tố lỗi trong việc ly hôn để chia tài sản chung. Nợ anh T, chị N 400.000.000 đồng là nợ chung. Buộc Ông H phải thanh toán cho chị H 5.356.000 đồng ½ giá trị chuồng anh không đồng ý.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Dkháng cáo yêu cầu được nuôi cháu C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H không chấp nhận. Thấy rằng: Hiện nay cháu C đang sinh sống cùng với chị H sức khỏe bình thường, cuộc sống của cháu được bảo đảm; trong khi đó cháu C xin được ở với chị H. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên án sơ thẩm về phần này.

[2] Anh D kháng cáo yêu cầu xác định nợ anh T, chị N400.000.000 đồng là nợ chung nhưng chị H không chấp nhận. Thấy rằng: Việc mượn tiền do Anh D thực hiện nhưng Anh D khai mượn tiền để sửa chữa xe có cung cấp hóa đơn chứng từ hợp lệ là 120.350.000 đồng, trong khi đó xe là tài sản chung và gửi cho con ăn học 17.500.000 đồng nên xác định đây là nợ chung. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của anh D, sửa án sơ thẩm về phần này, xác định 137.805.000 đồng là nợ chung của vợ chồng nên mỗi người phải chịu trách nhiệm ½ là 68.9250.000 đồng. Như vậy, Anh D còn phải thanh toán lại cho chị H215.409.000 đồng (300.000.000 đồng giá trị xe - 68.9250.000 đồng nợ chung – 15.666.000 đồng Anh D trả nợ thay cho chị H)

[3] Anh Dkháng cáo yêu cầu Tòa buộc Ông H phải thanh toán cho chị H5.356.000 đồng ½ giá trị chuồng anh không đồng ý nhưng chị H không chấp nhận. Thấy rằng: Tòa buộc Ông H phải thanh toán cho chị H nên Anh D không có quyền kháng cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên án sơ thẩm về phần này.

[4] Anh D kháng cáo yêu cầu xem xét yếu tố lỗi trong việc ly hôn để chia tài sản chung. Thấy rằng nguyên nhân ly hôn, theo chị H Anh D vũ phu đánh chị còn Anh D cho rằng chị ngoại tình nhưng án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Anh D yêu cầu xem xét yếu tố lỗi trong việc ly hôn để chia tài sản chung.

[5] Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 32.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ, còn chị H phải chịu 10.770.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

[6] Do kháng cáo của Anh Dđược chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì Anh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Anh D giữ nguyên bản án sơ thẩm là chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh D, sửa bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ nuôi con chung:

1.1.Chị Huỳnh Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Phú C, sinh ngày 23/3/2002.

1.2. Buộc Anh Phan Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

2. Về quan hệ chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ:

2.1. Buộc Ông Phan Văn H phải thanh toán cho chị Huỳnh Thị Thanh H ½ giá trị xây dựng chuồng heo số tiền 5.356.000đ. Ông Phan Văn H được sở hữu chuồng heo do vợ chồng Huỳnh Thị Thanh H, Phan Thanh D xây dựng trên thửa đất.

2.2. Giao cho Anh Phan Thanh D được sở hữu chiếc xe ô tô tải hiệu CNHTC, số máy WD 61547120917016587, số khung LZZ 5BXSFOCN 688941, biển kiểm soát 77 – 04031.

2.3. Buộc Anh Phan Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho cho chị Huỳnh Thị Thanh H 215.409.000 đồng (Hai trăm mười năm triệu bốn trăm không chín nghìn đồng.

2.4. Buộc Anh Phan Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị N 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

3. Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

4.1. Chị Huỳnh Thị Thanh H phải chịu 10.770.000 đồng (Mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản được khấu trừ vào 3.300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0002836 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H còn phải nộp 7.470.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

4.2. Anh Phan Thanh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 32.075.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ.

4.3. Anh Phan Thanh D được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002945 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Liên Hiệp II cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THA dân sự;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS, Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thường